

Bản án số: 01/2025/HC-ST  
Ngày 17-01-2025  
“V/v khiếu kiện quyết định hành  
chính trong lĩnh vực đất đai”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hồng Chương.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Bùi Xuân Vân và bà Lê Thị Hương.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:** Bà Vương Thị Bắc - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 91/2024/TLST-HC, ngày 14-10-2024 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 35/2024/QĐXXST-HC ngày 31-12-2024, giữa các đương sự:

*Người khởi kiện:* **Ông Nguyễn Ngọc B**, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (có mặt).

*Người bị kiện:* **Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông**; địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

*Người đại diện hợp pháp:* Ông Võ Quốc T – Chức vụ: Phó Chủ tịch (có văn bản đề nghị vắng mặt).

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- **Bà Trần Thị S**, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (có văn bản đề nghị vắng mặt).

- **Bà Khương Thị H**, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (có văn bản đề nghị vắng mặt).

- **Ông Phạm C**, sinh năm 1959 và **bà Bùi Thị Kim L**, sinh năm 1975; cùng địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (có văn bản đề nghị vắng mặt).

*Người làm chứng:* **Ông Hồng Văn T**, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (có văn bản đề nghị vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

**1. Theo đơn khởi kiện ngày 28-8-2024, đơn khởi kiện bổ sung ngày 09-12-2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người khởi kiện ông Nguyễn Ngọc B trình bày:**

Vào ngày 23 tháng 5 năm 2019, ông B nhận chuyển nhượng của bà Khương Thị H thửa đất số 120, tờ bản đồ số 30, diện tích 906m<sup>2</sup>, tọa lạc tại: Thôn C, xã Nâm N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 968195, ngày 22 tháng 05 năm 2019 đứng tên bà Khương Thị H. Ngày 23-5-2019, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Đ đã xác nhận chỉnh lý sang tên cho ông Nguyễn Ngọc B tại trang số 3 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đến khoảng tháng 6 năm 2020, ông B chuyển nhượng một phần thửa đất cho ông Phạm C và bà Bùi Thị Kim L. Hai bên có lập giấy viết tay, không có công chứng, chứng thực và chưa hoàn tất thủ tục chuyển nhượng, tuy nhiên ông C và bà L đã nhận đất, sau đó tiến hành làm nhà kiên cố trên đất và sử dụng cho đến nay.

Ngày 15 tháng 10 năm 2021, Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định số: 1088/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích đất 906m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 120, tờ bản đồ số 30 nói trên với lý do: Việc công nhận quyền sử dụng đất cho bà Khương Thị H là không đúng đối tượng. Mặc dù không đồng ý với quyết định thu hồi đất nhưng ông B đã giao nộp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 968195 nói trên cho Ủy ban nhân dân huyện Đ và cho rằng diện tích nêu trên được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Khương Thị H và bà H đã chuyển nhượng cho ông là hợp pháp. Sau đó, gia đình ông sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp và đã tạo lập tài sản trên đất như nhà ở, các công trình phục vụ đời sống sinh hoạt.

Ngày 11 tháng 9 năm 2024, ông B có đơn kiến nghị, yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện Đ thu hồi Quyết định số: 1088/QĐ-UBND ngày 15-10-2021 và cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông. Ngày 02 tháng 10 năm 2024, Ủy ban nhân dân huyện Đ có Công văn số: 205/UBND-TNMT trả lời đơn của ông, trong đó không chấp nhận yêu cầu của ông B. Vì vậy ông Nguyễn Ngọc B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, hủy Quyết định số: 1088/QĐ-UBND ngày 15-10-2021 và Công văn số: 205/UBND-TNMT ngày 02-10-2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đ. Đồng thời, buộc UBND huyện Đ thực hiện các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên theo quy định của pháp luật.

**2. Người đại diện hợp pháp của người bị kiện trình bày:**

Ngày 22-5-2019, Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 968195 cho bà Khương Thị H, với diện tích 906m<sup>2</sup> (trong đó: 300m<sup>2</sup> đất ở và 606m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm), thuộc thửa đất số 120, tờ bản đồ số 30, vị trí tại: Thôn C, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Ngày 23-5-2019, bà Khương Thị H đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên cho ông Nguyễn Ngọc B và bà Trần Thị S. Thực hiện Kết luận thanh tra số: 99/KL-TTr, ngày 04-6-2021 về “Công tác quản lý đất đai trên địa bàn huyện Đ, trọng tâm là thị trấn Đ, xã N, xã T” và Kết luận Thanh tra số: 131/KL-TTr ngày 28-6-2021

của Thanh tra tỉnh Đắk Nông, UBND huyện Đ đã ban hành Quyết định số: 1088/QĐ-UBND, ngày 15-10-2021 về việc “*Thu hồi diện tích 906m<sup>2</sup> đất, thuộc thửa đất số 120, tờ bản đồ số 30 do được công nhận quyền sử dụng đất không đúng đối tượng cho bà Khương Thị H*”. Như vậy, việc Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định số: 1088/QĐ- UBND, ngày 15-10-2021 là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

### **3. Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:**

**3.1. Bà Trần Thị S (vợ của ông Nguyễn Ngọc B) trình bày:** Bà thống nhất với lời khai và yêu cầu của ông B.

**Bà Khương Thị H trình bày:** Ngày 23-5-2019, bà chuyển nhượng diện tích đất 906m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 120, tờ bản đồ số 30 cho ông Nguyễn Ngọc B, bà đã nhận tiền đầy đủ và bàn giao đất, việc chuyển nhượng đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ xác nhận vào trang thứ 3 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 968165, mang tên ông Nguyễn Ngọc B. Diện tích đất trên có nguồn gốc do bà nhận chuyển nhượng từ năm 2007, canh tác, sử dụng ổn định, không có tranh chấp với ai. Tại Quyết định thu hồi đất số: 1088/QĐ-UBND ngày 15-10-2021 của UBND huyện Đ cho rằng thu hồi diện tích đất nêu trên do được công nhận quyền sử dụng đất không đúng đối tượng cho bà Khương Thị H là gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền sử dụng đất của gia đình bà, vì thực tế thửa đất trên đã được chuyển nhượng cho ông Nguyễn Ngọc B và được cơ quan Nhà nước thực hiện việc sang tên cho ông B đúng quy định. Hiện tại bà không liên quan gì đến thửa đất. Bà cho rằng diện tích 906m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 120, tờ bản đồ số 30 đã được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 968195 vào ngày 22-5-2019 cho bà, sau đó bà đã chuyển nhượng cho ông B là hợp pháp và đúng theo quy định của pháp luật. Nay ông B khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy Quyết định số: 1088/QĐ-UBND ngày 15-10-2021 và Công văn số 205/UBND-TNMT ngày 02-10-2024 của UBND huyện Đ, đồng thời buộc UBND huyện Đ thực hiện các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên thì bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

**3.3. Ông Phạm C và bà Bùi Thị Kim L trình bày:** Hiện ông bà là người đang trực tiếp quản lý, sử dụng diện tích 906m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 120, tờ bản đồ số 30, tại thôn C, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 968195 ngày 22-5-2019 cho bà Khương Thị H và được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Đ chỉnh lý sang tên cho ông Nguyễn Ngọc B ngày 23-5-2019. Đất này có nguồn gốc từ trước như thế nào thì ông bà không biết, ông bà nhận chuyển nhượng của ông B từ thời điểm ngày 12-6-2020. Tại thời điểm chuyển nhượng, ông B đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ông B đang thế chấp để vay vốn Ngân hàng nên hai bên đã lập giấy chuyển nhượng viết tay và đến nay chưa thực hiện việc sang tên. Ông bà đã giao đủ tiền cho ông B và ông B đã bàn giao toàn bộ thửa đất cho ông bà từ thời điểm năm 2020. Tại thời điểm giao đất, trên đất không có tài sản gì (đất trống). Sau khi nhận đất, ông bà đã tiến hành làm 01 căn nhà cấp 4 mái thái, diện tích nhà và sân là khoảng 450m<sup>2</sup>, nhà xây kiên cố, có khung sắt lợp tôn bao

quanh sân. Thời điểm căn nhà hoàn thiện cũng trong năm 2020 và ông bà sử dụng từ đó cho đến nay không bị ai tranh chấp. Đến cuối năm 2023 thì ông bà mới biết việc Ủy ban nhân dân huyện Đ thu hồi thửa đất này. Đối với các yêu cầu khởi kiện của ông B thì ông bà đồng ý và không có ý kiến gì. Trong vụ án này ông bà không có yêu cầu độc lập mà tham gia tố tụng với bên khởi kiện theo quy định tại Điều 58 Luật Tố tụng hành chính, ông bà mong muốn cơ quan có thẩm quyền hủy quyết định thu hồi đất và thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông bà đối với diện tích đất nêu trên.

**4. Người làm chứng – Ông Hồng Văn T trình bày:** Năm 1999, vợ chồng ông khai hoang thửa đất có chiều ngang mặt đường Quốc lộ là 24m, chiều dài 50m, thuộc thôn C, xã N, huyện Đ. Sau khi khai hoang, ông bà làm nhà tạm bằng gỗ và trồng tiêu trên toàn bộ diện tích đất này. Ông bà bắt đầu sử dụng và sinh sống trên đất từ năm 1999 đến năm 2007 thì chuyển nhượng cho bà Khương Thị H. Trong khoảng thời gian ông bà sử dụng đất không bị ai tranh chấp và không bị chính quyền địa phương xử lý về việc sử dụng đất. Năm 2007, ông bà chuyển nhượng đất cho bà H, ông bà đã nhận đủ tiền và giao đất cho bà H kể từ thời điểm chuyển nhượng. Kể từ đó ông bà không liên quan đến thửa đất, ông bà không có tranh chấp và yêu cầu gì trong vụ án này.

**5. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu quan điểm:**

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính; áp dụng điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013; điểm c khoản 2 Điều 139, Điều 152 Luật Đất đai năm 2024; điểm c khoản 2 Điều 22; khoản 5, 6 Điều 87 Nghị định số: 43/2014/NĐ- CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; khoản 26 Điều 1 Nghị định số: 148/2020/NĐ-CP ngày 18-12-2020 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc B. Hủy Quyết định số: 1088/QĐ-UBND ngày 15-10-2021 và Công văn số: 205/UBND-TNMT ngày 02/10/2024 của UBND huyện Đ. Yêu cầu UBND huyện Đ thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thời hiệu khởi kiện: Ông Nguyễn Ngọc B khởi kiện là trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông theo quy định tại khoản 4 Điều 32 của Luật Tổ tụng hành chính.

[2]. *Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc B:*

[2.1]. *Về thẩm quyền ban hành Quyết định số: 1088/QĐ-UBND ngày 15-10-2021 của Ủy ban nhân dân huyện Đ:*

Quyết định số: 1088/QĐ-UBND ngày 15-10-2021: Ngoài việc thu hồi diện tích 906m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 120, tờ bản đồ số 30 thì tại Điều 2 của quyết định còn yêu cầu ông Nguyễn Ngọc B giao nộp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 968195 cho cơ quan chức năng để lập thủ tục thu hồi (thực tế ông B đã giao nộp cho Ủy ban nhân dân huyện Đ).

Tại thời điểm Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định số: 1088/QĐ-UBND, diện tích đất bị thu hồi đã được bà Khương Thị H chuyển nhượng thành công cho ông Nguyễn Ngọc B (Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Đ đã xác nhận chỉnh lý sang tên cho ông B tại trang số 3 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 23-5-2019).

Như vậy, Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định số: 1088/QĐ-UBND ngày 15-10-2021 là không đúng thẩm quyền, vi phạm quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013, các khoản 5, 6 Điều 87 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai (khoản 5 đã được sửa đổi bổ sung tại khoản 26 Điều 1 Nghị định số: 148/2020/NĐ-CP ngày 18-12-2020 của Chính phủ), cụ thể:

Điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013 quy định:

*“2. Nhà nước thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp trong các trường hợp sau đây:*

....

*d) Giấy chứng nhận đã cấp không đúng thẩm quyền, không đúng đối tượng sử dụng đất, không đúng diện tích đất, không đủ điều kiện được cấp, không đúng mục đích sử dụng đất hoặc thời hạn sử dụng đất hoặc nguồn gốc sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai, trừ trường hợp người được cấp Giấy chứng nhận đó đã thực hiện chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật đất đai”.*

Các khoản 5 và 6 Điều 87 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai (khoản 5 đã được sửa đổi bổ sung tại khoản 26 Điều 1 Nghị định số: 148/2020/NĐ-CP ngày 18-12-2020 của Chính phủ) quy định:

*“5. Nhà nước không thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp trái pháp luật trong các trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 của Luật Đất đai nếu người được cấp Giấy chứng nhận đã thực hiện thủ tục chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và đã được giải quyết theo quy định của pháp luật.*

6. Việc thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 106 của Luật Đất đai chỉ được thực hiện khi có bản án hoặc quyết định của Tòa án nhân dân đã được thi hành”.

[2.2]. Đối với nội dung thu hồi diện tích 906m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 120, tờ bản đồ số 30 với lý do: Việc công nhận quyền sử dụng đất cho bà Khương Thị H là không đúng đối tượng, **Hội đồng xét xử xét thấy:**

[2.2.1]. Kết luận Thanh tra số: 99/KL-TTr, ngày 04/6/2021 của Thanh tra tỉnh Đắk Nông xác định thửa đất số 120, tờ bản đồ số 30 có nguồn gốc do Nhà nước quản lý (đất công) và hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Khương Thị H không xác nhận thời điểm tạo lập tài sản; không có biên bản lấy ý kiến khu dân cư, không có Phiếu lấy ý kiến khu dân cư về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất nên việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H là không đúng đối tượng, không đúng quy hoạch, không đủ điều kiện được cấp, không đúng mục đích sử dụng đất, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 8, điểm a khoản 1 Điều 99 Luật Đất đai năm 2013; khoản 5 Điều 19, khoản 4 Điều 21 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ và điểm đ khoản 2 Điều 12 Thông tư số: 24/2014/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

[2.2.2]. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã cung cấp cho Tòa án “Giấy bán đất” viết tay lập ngày 13-11-2007, có chữ ký của bên bán (ông Hồng Văn T, bà Nguyễn Thị T), bên mua (bà Khương Thị H) và có người làm chứng. Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông đã phối hợp với Ủy ban nhân dân xã N làm việc trực tiếp với ông Hồng Văn T, qua làm việc ông T xác nhận nội dung chuyển nhượng giữa vợ chồng ông và bà H là đúng.

[2.2.3]. Như vậy, nội dung tại Kết luận Thanh tra số: 99/KL-TTr, ngày 04/6/2021 của Thanh tra tỉnh Đắk Nông là có cơ sở; tuy nhiên diện tích đất nêu trên đã được điều chỉnh bỏ ra khỏi quy hoạch 3 loại rừng, phù hợp với bản đồ quy hoạch sử dụng đất là đất ở nông thôn và đất nông nghiệp; quá trình lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Khương Thị H, Ủy ban nhân dân xã N và Ủy ban nhân dân huyện Đ không yêu cầu người sử dụng đất cung cấp giấy tờ về nguồn gốc đất là vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 21 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ nhưng quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã cung cấp giấy tờ về nguồn gốc đất, phù hợp với xác nhận của Ủy ban nhân dân xã N là đất có nguồn gốc nhận chuyển nhượng năm 2007.

[2.2.4]. Ngoài ra, tại biên bản xác minh ngày 25-12-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông thể hiện trên đất hiện có 01 căn nhà cấp 4 mái Thái, lợp tôn do ông Phạm C và bà Bùi Thị Kim L xây dựng kiên cố và sử dụng từ năm 2019 đến nay nhưng Quyết định số: 1088/QĐ-UBND ngày 15-10-2021 của ban nhân dân huyện Đ không xử lý tài sản trên đất là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông C và bà L.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc B.



[3]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc B được chấp nhận nên Ủy ban nhân dân huyện Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 193, các điều 206 và 348 của Luật Tố tụng hành chính;

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013; điểm c khoản 2 Điều 139, Điều 152 Luật Đất đai năm 2024; điểm c khoản 2 Điều 22, các khoản 5, 6 Điều 87 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khoản 26 Điều 1 Nghị định số: 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ và khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên xử:**

#### **1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc B.**

Hủy Quyết định số: 1088/QĐ-UBND ngày 15-10-2021 của Ủy ban nhân dân huyện Đ “*V/v thu hồi diện tích 906m<sup>2</sup> đất, thuộc thửa đất số 120, tờ bản đồ số 30 do được công nhận QSD đất không đúng đối tượng cho bà Khương Thị H (Kết luận số: 99/KL-TTr, ngày 04-6-2021 của Thanh tra tỉnh Đắk Nông)*”.

Hủy Công văn số: 205/UBND-TNMT ngày 02-10-2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đ “*V/v trả lời đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Ngọc B, thường trú tại tổ dân phố A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông*”.

**2.** Buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo đúng quy định pháp luật.

#### **3. Về án phí sơ thẩm:**

3.1. Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hành chính sơ thẩm.

3.2. Trả lại cho ông Nguyễn Ngọc B 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí ông B đã nộp theo biên lai số 0002250 ngày 11-10-2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Nông.

**4. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành*

*án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

*Nơi nhận:*

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Cục THADS tỉnh Đắk Nông;
- Các đương sự;
- Lưu: THCTP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký)*

**Nguyễn Hồng Chương**